BỘ Y TẾ **TRƯỜNG ĐẠI HỌC** **KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 124../BC-ĐHKTYTHD	*Hải Dương, ngày 31 tháng 3 năm 2022*

BÁO CÁO KẾT QUẢ

"Khảo sát ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên

Học kỳ I, năm học 2021 - 2022"

1. Mục đích, yêu cầu, nội dung và đối tượng khảo sát

1.1. Mục đích

a) Đối với Nhà trường:

- Đánh giá chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên thông qua phản hồi của sinh viên.
- Góp phần thực hiện quy chế dân chủ trong cơ sở giáo dục và thực hiện nhiệm vụ đảm bảo chất lượng giáo dục thường niên.
- Giúp Ban Giám hiệu, các Khoa/Bộ môn có cơ sở để nhận xét, đánh giá và có kế hoạch bồi dưỡng cho giảng viên.

b) Đối với giảng viên:

- Tạo thêm kênh thông tin giúp giảng viên tự điều chỉnh hoạt động giảng dạy, hoàn thiện, phát huy năng lực giảng dạy về chuyên môn, tác phong sư phạm.
- Nâng cao tinh thần trách nhiệm của giảng viên trong việc thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, mục tiêu đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng giáo dục của Nhà trường.

c) Đối với sinh viên:

- Tăng cường tinh thần trách nhiệm của sinh viên trong học tập và rèn luyện bản thân.
- Đảm bảo quyền lợi cho sinh viên, tạo điều kiện để sinh viên được phản ánh nguyện vọng và thể hiện chính kiến về hoạt động giảng dạy của giảng viên.

1.2. Yêu cầu của việc khảo sát

Công tác lấy ý kiến sinh viên được thực hiện theo quy trình cụ thể, công khai và phải tuân thủ theo những yêu cầu sau:

- Nội dung khảo sát phải đáp ứng yêu cầu Công văn số 7324/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 08/10/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và công tác kiểm định chất lượng.
- Giảng viên và sinh viên phải được thông tin đầy đủ và hiểu rõ mục đích, ý nghĩa của việc khảo sát.
- Sinh viên phải trung thực, khách quan và có thái độ đúng mực trong việc cung cấp thông tin phản hồi về hoạt động giảng dạy của giảng viên.

- Thông tin phản hồi từ sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên phải được xử lí khách quan, trung thực, chính xác và phải được sử dụng đúng mục đích.

- Giảng viên phải tôn trọng, có tinh thần cầu thị trước kết quả xử lý thông tin phản hồi từ phía sinh viên về hoạt động giảng dạy của bản thân.

1.3. Nội dung khảo sát

- Nội dung, chất lượng học phần
- Hoạt động giảng dạy của giảng viên
- Tổ chức, quản lý học phần
- Hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập
- Cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện, vật liệu dạy – học

1.4. Đối tượng thực hiện khảo sát

Sinh viên ở trình độ đại học chính quy, vừa làm vừa học tham dự các học phần lý thuyết, thực hành, lâm sàng được triển khai trong kỳ I năm học 2021-2022 tại Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương.

2. Công cụ khảo sát, phương pháp khảo sát, tiêu chí đánh giá xếp loại

Phiếu khảo sát sử dụng thang đo Likert 05 mức độ:

- **Hoàn toàn không đồng ý** *(tương ứng với 1 điểm);*
- **Không đồng ý** *(tương ứng với 2 điểm);*
- **Bình thường** *(tương ứng với 3 điểm);*
- **Đồng ý** *(tương ứng với 4 điểm);*
- **Hoàn toàn đồng ý** *(tương ứng với 5 điểm).*

Phương pháp khảo sát:

- Khảo sát bằng hình thức phát phiếu khảo sát trực tiếp đối với sinh viên hệ VLVH.

- Khảo sát bằng phần mềm khảo sát người học-Unirate đối với sinh viên hệ chính quy

Căn cứ vào số phiếu có giá trị thống kê, sau khi xử lý thống kê, kết quả được phân loại như sau:

TT	Mức trung bình chung tích lũy	Mức ý kiến phản hồi	Hoạt động tiếp theo
1	4,21 - 5,00	Xuất sắc	Tiếp tục duy trì và phát triển
2	3,41 - 4,20	Tốt	Hoàn thiện nâng cao hơn nữa
3	2,61 - 3,40	Khá	Cải tiến hơn để nâng cao chất lượng đào tạo
4	1,81 - 2,60	Trung bình	Xây dựng kế hoạch cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo
5	1,00 - 1,80	Kém	Cần khắc phục ngay và nhanh chóng có kế hoạch hoàn thiện và nâng cao chất lượng đào tạo

3. Kết quả

3.1. Thông tin chung về hoạt động khảo sát đối với các học phần lý thuyết

Kết quả khảo sát ý kiến sinh viên chính quy về hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ I năm học 2021-2022 đối với học phần lý thuyết thể hiện bảng sau:

Bảng 1: Thông tin chung về hoạt động khảo sát đối với các học phần lý thuyết

TT	Khoa/bộ môn	Số học phần LT	Số GV	Số phiếu phản hồi	Kết quả phản hồi học phần					
					Xuất sắc		Tốt		Khá	
					N	%	n	%	n	%
1	Khoa Y học cơ sở	29	7	1601	7	24.14	22	75.86	0	0.00
2	Khoa Điều dưỡng	13	6	1063	3	23.08	10	76.92	0	0.00
3	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	18	4	1078	15	83.33	3	16.67	0	0.00
4	Khoa Y	25	18	1108	2	8.00	23	92.00	0	0.00
5	Khoa Xét nghiệm	30	16	1998	12	40.00	18	60.00	0	0.00
6	Khoa YHDP/YTCC	30	10	1950	3	10.00	27	90.00	0	0.00
7	Khoa Phục hồi chức năng	23	6	1321	17	73.91	6	26.09	0	0.00
8	BM Khoa học cơ bản	22	5	1780	3	13.64	19	86.36	0	0.00
9	BM Y sinh học và di truyền	6	3	658	1	16.67	5	83.33	0	0.00
10	BM Ngoại ngữ	31	9	989	5	16.13	26	83.87	0	0.00
11	BM Chính trị	24	7	1431	0	0.00	24	100.00	0	0.00
12	BM GDTC-GDQP	8	2	269	2	25.00	6	75.00	0	0.00
13	Học phần nhiều GV cùng giảng dạy	2	3	128	0	0.00	2	100.00	0	0.00
	Tổng	**261**	**96**	**15374**	**70**	**26.82**	**191**	**73.18**	**0**	**0.00**

***Nhận xét*:**

Kết quả triển khai hoạt động khảo sát ý kiến sinh viên chính quy về hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ I năm học 2021 – 2022:

- Tổng số phiếu phát đi: 16 115 phiếu
- Tổng số phiếu thu về: 15 374 phiếu
- Tỉ lệ sinh viên phản hồi > 95.4%.
- Khảo sát 96 giảng viên với 261 học phần thuộc 12 Khoa/Bộ môn. Trong đó có 26.82% số giảng viên được sinh viên phản hồi đạt mức xuất sắc, 73.18 % giảng viên đạt mức tốt và không có mức khá, trung bình và yếu .

3.2. Thông tin chung về hoạt động khảo sát đối với các học phần thực hành.

Kết quả khảo sát ý kiến sinh viên chính quy về hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ I năm học 2021- 2022 đối với học phần thực hành thể hiện bảng sau:

Bảng 2: Thông tin chung về hoạt động khảo sát các học phần thực hành

TT	Khoa/bộ môn	Số học phần TH	Số giảng viên	Số phiếu phản hồi	Kết quả phản hồi học phần					
					Xuất sắc		Tốt		Khá	
					n	%	n	%	n	%
1	Khoa Xét nghiệm	40	16	573	12	30.00	28	70.00	0	0.00
2	Khoa Y	10	6	298	1	10.00	9	90.00	0	0.00
3	Khoa PHCN	33	10	515	19	57.58	14	42.42	0	0.00
4	Khoa CĐHA	40	11	452	25	62.50	15	37.50	0	0.00
5	Khoa Điều dưỡng	44	15	558	2	4.55	42	95.45	0	0.00
6	Khoa Y học cơ sở	11	5	546	3	27.27	8	72.73	0	0.00
9	BM Y sinh học và di truyền	7	2	630	3	42.86	4	57.14	0	0.00
10	BM Khoa học cơ bản	27	6	602	4	14.81	23	85.18	0	0.00
11	Học phần nhiều GV cùng giảng	8	27	448	0	0.00	8	100.00	0	0.00
	Tổng	**220**	**98**	**4622**	**69**	**31.36**	**151**	**68.64**	**0**	**0.00**

Nhận xét: Qua lấy ý kiến phản hồi của sinh viên chính quy về hoạt động giảng dạy của giảng viên kỳ I thông qua các học phần thực hành đã khảo sát:

- Tổng số phiếu phát đi: 4789 phiếu
- Tổng số phiếu thu về: 4622 phiếu
- Tỉ lệ sinh viên phản hồi > 96.5 %.
- Khảo sát 98 giảng viên với 220 học phần thuộc 12 Khoa/Bộ môn. Trong đó có 31.36% số giảng viên được sinh viên phản hồi đạt mức xuất sắc, 68.64 % giảng viên đạt mức tốt , không có mức khá, trung bình và yếu.

3.3. Thông tin chung về hoạt động khảo sát đối với hoạt động dạy học lâm sàng

Kết quả khảo sát ý kiến sinh viên chính quy về hoạt động dạy học lâm sàng học kỳ I năm học 2021 – 2022 thể hiện bảng sau:

Bảng 3. Thông tin chung về hoạt động khảo sát đối với hoạt động dạy học lâm sàng

Đặc điểm đối tượng khảo sát		**Số SV khảo sát**	**Số SV phản hồi**	**Tỉ lệ phản hồi (%)**
Chuyên ngành đào tạo	Điều dưỡng đa khoa	370	368	99.46
	Điều dưỡng nha khoa	66	62	93.94
	Điều dưỡng Gây mê hồi sức	123	116	94.31
	Điều dưỡng Sản phụ khoa	52	48	92.31
	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	249	233	93.57
	Kỹ thuật Hình ảnh y học	212	206	97.17
	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	134	121	90.30
	Y đa khoa	219	193	88.13
Tổng:		**1425**	**1347**	**94.53**

Nhận xét: Qua lấy ý kiến phản hồi của sinh viên chính quy về hoạt động dạy học lâm sàng kỳ I năm học 2021-2022 đã khảo sát:

- Tổng số phiếu phát đi: 1425 phiếu
- Tổng số phiếu thu về: 1347 phiếu
- Tỉ lệ sinh viên phản hồi > 94.53 %.

3.4. Kết quả khảo sát chung toàn trường đối với các học phần lý thuyết

Bảng 4: Nội dung, chất lượng học phần đối với các học phần lý thuyết

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Bình thường (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
4.1	CĐR/Mục tiêu học phần nêu rõ kiến thức và kỹ năng sinh viên cần đạt được	0.88	0.22	17.64	55.97	25.28	4.05
4.2	Thời lượng học phần được phân bố hợp lý cho các hình thức học tập	0.85	0.27	17.15	57.46	24.27	4.04
4.3	Nội dung học phần có sự gắn kết, liền mạch với các học phần đã học, đang học	0.81	0.25	16.66	**56.76**	**25.52**	4.06
4.4	Nội dung của các bài trong học phần phù hợp với trình độ của sinh viên	0.81	0.29	17.21	56.82	24.87	4.05
4.5	Nội dung bài giảng, tài liệu học tập được cập nhật, phù hợp với CĐR/mục tiêu học phần	0.83	0.23	16.98	56.48	25.48	4.06
4.6	Nội dung thi/kiểm tra phù hợp với CĐR/mục tiêu học phần	**0.85**	**0.31**	17.26	56.33	25.26	4.05

Nhận xét:

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình xấp xỉ nhau, đạt mức tốt (từ 4.04 - 4.06).

Tiêu chí "Nội dung học phần có sự gắn kết, liền mạch với các học phần đã học, đang học" có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 82.28 %.

Tiêu chí " Nội dung thi/kiểm tra phù hợp với CĐR/mục tiêu học phần", có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 1.16%.

Bảng 5: Hoạt động giảng dạy đối với các học phần lý thuyết

	Nội dung	Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Bình thường (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
5.1	Giảng viên thực hiện thời gian lên lớp nghiêm túc, đúng quy định	0.81	0.14	15.93	**57.18**	**25.94**	4.07
5.2	Giảng viên phổ biến đầy đủ CĐR/mục tiêu, vị trí, yêu cầu và nội dung trọng tâm của học phần	0.79	0.20	16.50	57.00	25.52	4.06
5.3	Phương pháp giảng dạy của giảng viên giúp phát huy tính sáng tạo, khả năng nghiên cứu độc lập của sinh viên	0.78	0.23	17.21	56.37	25.40	4.05
5.4	Giảng viên giải đáp đầy đủ và kỹ lưỡng các thắc mắc của sinh viên	0.77	0.25	16.72	56.98	25.29	4.06
5.5	Giảng viên truyền đạt rõ ràng, đầy đủ các nội dung học phần	0.80	0.21	16.44	56.72	25.84	4.07
5.6	Giảng viên quan tâm giáo dục đạo đức, nhân cách cho sinh viên	0.81	0.21	16.68	56.73	25.56	4.06
5.7	Giảng viên giúp sinh viên phát triển kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm	**0.83**	**0.22**	16.91	56.76	25.29	4.05
5.8	Giảng viên sử dụng hiệu quả các phương tiện dạy học	0.79	0.20	16.78	56.97	25.25	4.06

Nhận xét:

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình xấp xỉ nhau, đạt mức tốt (từ 4.05-4.07).

Tiêu chí "Giảng viên thực hiện thời gian lên lớp nghiêm túc, đúng quy định" có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 83.12%.

Tiêu chí "Giảng viên giúp sinh viên phát triển kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm", có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 1.05%.

Bảng 6: Tổ chức, quản lý học phần

	Nội dung	Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Bình thường (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
6.1	Đề cương chi tiết học phần có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện	**0.79**	**0.31**	17.27	56.49	25.14	4.05
6.2	Sinh viên hài lòng về các nội quy, quy định khi học học phần	0.77	0.19	16.79	57.59	24.67	4.05
6.3	Sinh viên được cung cấp đầy đủ về phương pháp giảng dạy và học tập trước khi học học phần	0.74	0.18	16.57	**57.32**	**25.20**	4.06
6.4	Sinh viên được cung cấp đầy đủ về hình thức và phương pháp đánh giá học tập trước khi học học phần	0.76	0.16	16.59	57.47	25.02	4.06
6.5	Lịch giảng được đảm bảo đúng tiến độ học tập	0.75	0.19	16.61	57.04	25.41	4.06
6.6	Hoạt động tự học của sinh viên được giám sát, đánh giá hiệu quả	0.77	0.21	17.23	57.04	24.76	4.05
6.7	Sinh viên được trợ giúp và tư vấn nhiệt tình trong suốt quá trình học tập	0.77	0.17	16.63	57.09	25.35	4.06

Nhận xét:

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình xấp xỉ nhau, đạt mức tốt (từ 4.05-4.06).

Tiêu chí "Sinh viên được cung cấp đầy đủ về phương pháp giảng dạy và học tập trước khi học học phần" có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 82.52%.

Tiêu chí "Đề cương chi tiết học phần có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện", có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 1.1 %

Bảng 7: Hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

	Nội dung	Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Bình thường (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
7.1	Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng nhiều hình thức phù hợp với tính chất và đặc thù của môn học.	0.82	0.23	16.37	**57.62**	**24.96**	4.06
7.2	Các phương pháp kiểm tra, đánh giá kích thích sinh viên tự học, tự nghiên cứu	0.79	0.25	17.18	57.51	24.27	4.04
7.3	Kết quả kiểm tra đánh giá công bằng, khách quan	**0.80**	**0.29**	16.56	57.28	25.07	4.06
7.4	Thông tin phản hồi từ kiểm tra đánh giá giúp sinh viên cải thiện kết quả học tập	0.79	0.23	16.76	57.49	24.73	4.05
7.5	Sinh viên được giải quyết khiếu nại thỏa đáng liên quan đến thi, kiểm tra	0.75	0.23	16.48	57.67	24.87	4.06

Nhận xét:

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình xấp xỉ nhau, đạt mức tốt (từ 4.04 - 4.06).

Tiêu chí "Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng nhiều hình thức phù hợp với tính chất và đặc thù của môn học" có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 82.58%.

Tiêu chí "Kết quả kiểm tra đánh giá công bằng, khách quan", có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 1.09 %

Bảng 8: Cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện, vật liệu dạy - học

	Nội dung	Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Bình thường (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
8.1	Giáo trình, tài liệu tham khảo được cung cấp đầy đủ, đáp ứng được nhu cầu học tập của sinh viên	0.78	0.21	16.56	**57.38**	**25.06**	4.06
8.2	Cơ sở vật chất khi học học phần: bàn ghế đầy đủ, phòng học rộng rãi, thoáng mát	0.82	0.40	17.48	57.30	24.00	4.03
8.3	Trang thiết bị phục vụ học tập đầy đủ, chất lượng tốt	**0.83**	**0.42**	17.92	56.78	24.05	4.03
8.4	Phòng tự học lý thuyết đáp ứng nhu cầu của sinh viên	0.82	0.42	17.98	56.65	24.14	4.03

Nhận xét:

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình đạt mức tốt (từ 4.03 - 4.06) tiêu chí 8.1 có điểm trung bình cao nhất, các tiêu chí còn lại đạt 4.03 điểm

Tiêu chí "Giáo trình, tài liệu tham khảo được cung cấp đầy đủ, đáp ứng được nhu cầu học tập của sinh viên" có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 82.44%.

Tiêu chí "Trang thiết bị phục vụ học tập đầy đủ, chất lượng tốt", có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 1.25 %

3.5. Kết quả khảo sát chung toàn trường đối với các học phần thực hành

Bảng 9: Nội dung, chất lượng học phần đối với các học phần thực hành

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Bình thường (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
9.1	CĐR/Mục tiêu học phần nêu rõ kiến thức và kỹ năng sinh viên cần đạt được	0.91	0.17	17.42	55.67	25.83	4.05
9.2	Thời lượng học phần được phân bố hợp lý cho các hình thức học tập	0.87	0.28	16.62	57.01	25.23	4.05
9.3	Nội dung học phần có sự gắn kết, liền mạch với các học phần đã học, đang học	0.91	0.25	16.46	**56.12**	**26.26**	4.07
9.4	Nội dung của các bài trong học phần phù hợp với trình độ của sinh viên	0.87	0.22	16.62	56.17	26.14	4.06
9.5	Nội dung thực hành, tài liệu tham khảo được cập nhật, phù hợp với CĐR/mục tiêu học phần	0.91	0.15	16.77	56.10	26.07	4.06
9.6	Nội dung thi/kiểm tra phù hợp với CĐR/mục tiêu học phần	**0.91**	**0.26**	16.92	55.91	26.01	4.06

Nhận xét:

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình xấp xỉ nhau, đạt mức tốt (từ 4.05 - 4.07)

Tiêu chí "Nội dung học phần có sự gắn kết, liền mạch với các học phần đã học, đang học" có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 82.38%.

Tiêu chí "Nội dung thi/kiểm tra phù hợp với CĐR/mục tiêu học phần''có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 1.17 %.

Bảng 10. Hoạt động giảng dạy đối với các học phần thực hành

	Nội dung	Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Bình thường (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
10.1	Giảng viên thực hiện thời gian lên lớp nghiêm túc, đúng quy định	0.93	0.17	15.73	**56.90**	**26.27**	4.07
10.2	Giảng viên phổ biến đầy đủ mục tiêu, vị trí, yêu cầu và nội dung trọng tâm của học phần	0.91	0.19	16.70	56.45	25.75	4.06
10.3	Phương pháp giảng dạy của giảng viên giúp phát huy tính sáng tạo, khả năng nghiên cứu độc lập, làm việc nhóm của sinh viên	**0.93**	**0.32**	16.16	56.99	25.59	4.06
10.4	Giảng viên giải đáp đầy đủ và kỹ lưỡng các thắc mắc của sinh viên	0.84	0.22	16.03	56.90	26.01	4.07
10.5	Giảng viên hướng dẫn sinh viên sử dụng trang thiết bị thực hành an toàn, đúng quy trình	0.84	0.24	16.01	56.62	26.29	4.07
10.6	Giảng viên luôn giám sát, uốn nắn, kèm cặp sinh viên thực hành và điều chỉnh kịp thời	0.87	0.37	16.38	56.36	26.03	4.06
10.7	Giảng viên luôn quan tâm giáo dục ý thức thực hành nghề nghiệp cho sinh viên	0.91	0.17	16.42	56.84	25.66	4.06

Nhận xét

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình xấp xỉ nhau, đạt mức tốt (từ 4.06 - 4.07).

Tiêu chí "Giảng viên thực hiện thời gian lên lớp nghiêm túc, đúng quy định " có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 83.17 %.

Tiêu chí "Phương pháp giảng dạy của giảng viên giúp phát huy tính sáng tạo, khả năng nghiên cứu độc lập, làm việc nhóm của sinh viên" có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 1.25%.

Bảng 11: Tổ chức, quản lý dạy học đối với các học phần thực hành

	Nội dung	Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Bình thường (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
11.1	Đề cương chi tiết học phần có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện	**0.89**	**0.37**	16.33	56.97	25.44	4.06
11.2	Sinh viên hài lòng về các nội quy, quy định khi học học phần	0.87	0.19	16.33	57.53	25.08	4.06
11.3	Sinh viên được cung cấp đầy đủ về phương pháp giảng dạy và học tập trước khi học học phần	0.89	0.19	15.99	57.20	25.72	4.07
11.4	Sinh viên được cung cấp đầy đủ về hình thức và phương pháp đánh giá học tập trước khi học học phần	0.87	0.22	15.97	**57.33**	**25.62**	4.07
11.5	Lịch giảng được đảm bảo đúng tiến độ học tập	0.89	0.15	16.62	56.92	25.42	4.06
11.6	Hoạt động tự học của sinh viên được giám sát, đánh giá hiệu quả	0.95	0.15	16.59	57.31	24.99	4.05
11.7	Sinh viên được trợ giúp và hướng dẫn nhiệt tình trong suốt quá trình học tập	0.89	0.28	16.25	56.77	25.81	4.06

Nhận xét

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình xấp xỉ nhau, đạt mức tốt (từ 4.05 - 4.07).

Tiêu chí "Sinh viên được cung cấp đầy đủ về hình thức và phương pháp đánh giá học tập trước khi học học phần" có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 82.95 %.

Tiêu chí "Đề cương chi tiết học phần có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện" có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 1.26 %.

Bảng 12: Hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập đối với các học phần thực hành

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Bình thường (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
12.1	Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng nhiều hình thức phù hợp với tính chất và đặc thù của môn học.	0.84	0.24	15.92	**57.46**	**25.53**	4.07
12.2	Các phương pháp kiểm tra, đánh giá kích thích sinh viên tự học, tự nghiên cứu	0.82	0.19	16.42	57.20	25.36	4.06
12.3	Kết quả kiểm tra đánh giá công bằng, khách quan	0.87	0.19	16.42	57.07	25.44	4.06
12.4	Thông tin phản hồi từ kiểm tra đánh giá giúp sinh viên cải thiện kết quả học tập	0.82	0.26	16.55	56.79	25.57	4.06
12.5	Sinh viên được giải quyết khiếu nại thỏa đáng liên quan đến thi, kiểm tra	**0.89**	**0.26**	16.29	57.23	25.34	4.06

Nhận xét

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình xấp xỉ nhau, đạt mức tốt (từ 4.06-4.07).

Tiêu chí "Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng nhiều hình thức phù hợp với tính chất và đặc thù của môn học" có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 82.99 %.

Tiêu chí "Sinh viên được giải quyết khiếu nại thỏa đáng liên quan đến thi, kiểm tra" có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 1.15 %.

Bảng 13: Cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện, vật liệu dạy - học đối với các học phần thực hành

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Bình thường (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
13.1	Giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng được nhu cầu học tập của sinh viên	0.91	0.22	16.36	**57.16**	**25.36**	4.06
13.2	Vật tư, hóa chất tiêu hao được đáp ứng đầy đủ	0.95	0.32	17.11	57.51	24.10	4.03
13.3	Cơ sở vật chất khi học học phần: bàn ghế đầy đủ, phòng học rộng rãi, thoáng mát….	1.00	0.32	17.11	56.73	24.84	4.04
13.4	Trang thiết bị thực hành phục vụ học tập đầy đủ, chất lượng tốt	**1.04**	**0.50**	17.22	56.51	24.73	4.03

Nhận xét

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình đạt mức tốt (từ 4.03-4.06)

Tiêu chí "Giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng được nhu cầu học tập của sinh viên" có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 82.52 %.

Tiêu chí "Trang thiết bị thực hành phục vụ học tập đầy đủ, chất lượng tốt", có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 1.54 %.

3.6. Kết quả khảo sát chung toàn trường đối với các học phần lâm sàng

Bảng 14 : Nội dung, chất lượng học phần lâm sàng

Nội dung		Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Bình thường (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)	Điểm TB
14.1	CĐR/Mục tiêu học phần phù hợp với nhu cầu thực tế lâm sàng	0.67	0.30	15.66	68.37	15.00	3.97
14.2	Thời lượng học phần được phân bố hợp lý	**0.22**	**1.34**	15.52	70.30	12.62	3.94
14.3	Nội dung học phần gắn với đặc điểm ngành nghề	0.37	0.45	14.40	70.82	13.96	3.98
14.4	Nội dung kiến thức có tính cập nhật, hiện đại	0.30	0.52	13.96	**71.34**	**13.88**	3.98
14.5	Nội dung của các bài trong học phần phù hợp với trình độ của sinh viên	0.37	0.52	14.11	70.90	14.11	3.98
14.6	Nội dung thi/kiểm tra phù hợp với CĐR/mục tiêu học phần	0.45	0.59	15.14	69.93	13.88	3.96

Nhận xét:

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình xấp xỉ nhau, đạt mức tốt (từ 3.94-3.98).

Tiêu chí "Nội dung kiến thức có tính cập nhật, hiện đại" có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 85.22 %.

Tiêu chí "Thời lượng học phần được phân bố hợp lý", có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 1.56%.

Bảng 15: Hoạt động dạy học lâm sàng

	Nội dung	Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Bình thường (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)	Điểm TB
15.1	Giảng viên phổ biến đầy đủ CĐR/mục tiêu, vị trí, yêu cầu và nội dung trọng tâm của học phần lâm sàng	**0.52**	**0.67**	13.96	70.97	13.88	3.97
15.2	Được Trưởng khoa(hoặc BS tại khoa) giới thiệu về khoa, cơ cấu bệnh tật, các kỹ thuật/thủ thuật, nội quy khoa	0.15	0.82	15.59	70.90	12.55	3.95
15.3	Được giảng viên giảng lâm sàng tại giường bệnh theo chủ đề	0.67	0.45	16.18	69.04	13.66	3.95
15.4	Được giảng lâm sàng đầy đủ các nội dung như trong đề cương chi tiết học phần	0.15	0.74	15.52	70.45	13.14	3.96
15.5	Giảng viên quan tâm rèn kỹ năng tay nghề cho sinh viên trong khi dạy- học lâm sàng	0.22	0.37	14.77	70.53	14.11	3.98
15.6	Giảng viên quan tâm giáo dục đạo đức, nhân cách, giao tiếp ứng xử cho sinh viên khi tiếp xúc người bệnh, gia đình bệnh nhân	0.22	0.52	13.73	**72.38**	**13.14**	3.98
15.7	Giảng viên phân tích và chỉ ra các sai sót y khoa cần tránh khi thực hiện các kỹ thuật, thủ thuật	0.30	0.45	14.25	70.82	14.18	3.98

Nhận xét:

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình đạt mức tốt (từ 3.95-3.98).

Tiêu chí "Giảng viên quan tâm giáo dục đạo đức, nhân cách, giao tiếp ứng xử cho sinh viên khi tiếp xúc người bệnh, gia đình bệnh nhân" có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 85.52 %.

Tiêu chí "Giảng viên phổ biến đầy đủ CĐR/mục tiêu, vị trí, yêu cầu và nội dung trọng tâm của học phần lâm sàng ", có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 1.19%.

Bảng 16: Tổ chức, quản lý dạy học lâm sàng

Nội dung		Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Bình thường (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)	Điểm TB
16.1	Thầy/ cô của Khoa gặp mặt phổ biến nội dung, kế hoạch trước các vòng lâm sàng	0.30	0.15	13.29	**71.20**	**15.07**	4.01
16.2	Lịch giảng lâm sàng được thông báo rõ ràng, cụ thể và hợp lý	**0.52**	**0.52**	14.63	71.27	13.07	3.96
16.3	Được phân công cụ thể bác sĩ tại khoa kèm cặp trong thực tập lâm sàng	0.22	0.67	13.88	71.12	14.11	3.98
16.4	Được giao ban chuyên môn với khoa (hoặc giao ban sinh viên) hàng sáng	0.45	0.52	14.92	71.20	12.92	3.96
16.5	Giảng viên quản lý sinh viên thường xuyên tổ chức rút kinh nghiệm khi kết thúc vòng lâm sàng	0.37	0.59	13.96	70.97	14.11	3.98

Nhận xét:

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình đạt mức tốt (từ 3.96-4.01).

Tiêu chí "Thầy/ cô của Khoa gặp mặt phổ biến nội dung, kế hoạch trước các vòng lâm sàng" có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 86.27 %.

Tiêu chí "Lịch giảng lâm sàng được thông báo rõ ràng, cụ thể và hợp lý", có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 1.04%.

Bảng 17: Hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập lâm sàng

	Nội dung	Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Bình thường (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)	Điểm TB
17.1	Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá công bằng, khách quan	0.30	0.30	13.21	**72.46**	**13.73**	3.99
17.2	Phương pháp kiểm tra, đánh giá kích thích sinh viên tự học, tự nghiên cứu và giúp hoàn thiện năng lực cho sinh viên	0.00	0.45	14.48	71.94	13.14	3.98
17.3	Kết quả kiểm tra đánh giá được thông báo đến sinh viên ngay sau khi kết thúc vòng lâm sàng theo đúng quy định	**0.30**	**0.37**	14.48	71.20	13.66	3.98
17.4	Thông tin phản hồi từ kiểm tra đánh giá giúp sinh viên cải thiện kết quả học tập	0.07	0.37	13.44	72.01	14.11	4.00
17.5	Sinh viên được giải quyết khiếu nại thỏa đáng liên quan đến thi, kiểm tra	0.22	0.30	13.81	71.64	14.03	3.99

Nhận xét:

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình đạt mức tốt (từ 3.98-4.00).

Tiêu chí "Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá công bằng, khách quan" có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 86.19 %.

Tiêu chí "Kết quả kiểm tra đánh giá được thông báo đến sinh viên ngay sau khi kết thúc vòng lâm sàng theo đúng quy định", có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 0.67%.

Bảng 18: Cơ sở vật chất, trang thiết bị/phương tiện, vật liệu dạy học và các điều kiện khác đảm bảo cho việc học tập lâm sàng

Nội dung		Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Bình thường (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)	Điểm TB
18.1	Tại khoa có đủ mặt bệnh như đề cương chi tiết học phần lâm sàng	0.37	0.22	14.33	70.90	14.18	3.98
18.2	Cơ sở vật chất, trang thiết bị đầy đủ, đáp ứng nhu cầu học tập	0.30	0.52	14.70	71.71	12.77	3.96
18.3	Lưu lượng sinh viên thực tập tại khoa là phù hợp	**0.37**	**0.52**	14.11	71.64	13.36	3.97
18.4	Có sự phối hợp tốt giữa các SV trong nhóm thực hành lâm sàng	0.30	0.07	14.33	**72.53**	**12.77**	3.97

Nhận xét:

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình đạt mức tốt (từ 3.96-3.98).

Tiêu chí "Có sự phối hợp tốt giữa các SV trong nhóm thực hành lâm sàng" có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 85.30 %.

Tiêu chí "Lưu lượng sinh viên thực tập tại khoa là phù hợp", có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 0.89%.

4. Kết luận chung

4.1. Một số kết quả đạt được:

- Có sự phối hợp tốt giữa các Phòng chức năng, Khoa/Bộ môn trong việc vận động sinh viên tham gia phản hồi về hoạt động giảng dạy của giảng viên. Kết quả tỷ lệ sinh viên phản hồi > 94.5%.

- Đối với các khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động giảng dạy các học phần lý thuyết:

+ Đã tiến hành khảo sát được 96 giảng viên, giảng 261 học phần lý thuyết, trong đó có 26.82% số giảng viên được sinh viên phản hồi đạt mức xuất sắc, 73.18% giảng viên đạt mức tốt và không có giảng viên ở mức khá, trung bình và yếu

+ Tỉ lệ sinh viên đồng ý với các tiêu chí đánh giá về nội dung học phần; hoạt động giảng dạy và hoạt động kiểm tra đánh giá của giảng viên toàn trường đều đạt mức tốt, từ 80.8% trở lên.

- Đối với khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động giảng dạy các học phần thực hành:

+ Đã khảo sát 98 giảng viên giảng 220 học phần thực hành trong đó có 31.36 % số giảng viên được sinh viên phản hồi đạt mức xuất sắc, 68.64 % giảng viên đạt mức tốt và không có giảng viên ở mức khá, trung bình và yếu

+ Tỉ lệ sinh viên đồng ý với các tiêu chí đánh giá về nội dung học phần, hoạt động giảng dạy và hoạt động kiểm tra đánh giá của giảng viên toàn trường đạt mức tốt, từ 81.2 % trở lên.

- Đối với khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động dạy học lâm sàng:

+ Đã khảo sát được 24 lớp với 1347 sinh viên tham gia khảo sát, đạt tỷ lệ 94.53%.

+ Tỉ lệ sinh viên đồng ý với các tiêu chí đánh giá về nội dung, chất lượng học phần, tổ chức hoạt động dạy học lâm sàng và hoạt động kiểm tra đánh giá đạt mức tốt, từ 82.7 % trở lên.

4.2. Một số vấn đề tồn tại:

- Còn tỉ lệ nhỏ ý kiến sinh viên " Không đồng ý" và " Hoàn toàn không đồng ý" ở các tiêu chí khảo sát học phần lý thuyết và thực hành(từ 0.92-1.54%)

- Còn tỉ lệ nhỏ sinh viên không tham gia khảo sát dù đã được Phòng/Khoa/BM đôn đốc: với HP lý thuyết là 4.6%, với HP thực hành là 3.5 %, với HP lâm sàng là 5.5%.

- Còn một vài ý kiến góp ý với từng giảng viên giảng dạy học phần về nội dung học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá.

- Còn 2 học phần lý thuyết tương ứng 3 GV và 8 học phần thực hành tương ứng 27 GV cùng dạy chung học phần không thể khảo sát được từng GV mà chỉ có đánh giá chung cho học phần.

- Phần mềm khảo sát người học đã được nâng cấp tuy nhiên vẫn còn một số lỗi sau:

+ Phần theo dõi sinh viên thực hiện khảo sát: không thống kê được tỉ lệ sinh viên tham gia khảo sát theo Khoa/BM.

+ Phần góp ý của sinh viên về GV: kết quả khi xuất dữ liệu SV không ý kiến phần mềm vẫn xuất dữ liệu.

- Do dịch COVID-19 nên việc triển khai hoạt động dạy học lâm sàng còn gặp nhiều khó khăn. Còn một số ý kiến phản ánh việc thiếu phòng học lâm sàng, thời gian đi học lâm sàng còn hạn chế, phải tiếp xúc nhiều FO khi đi lâm sàng trong khi có không có trang phục bảo hộ, lịch học bị thay đổi nhiều…

4.3. Đối chiếu kết quả khảo sát ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên kỳ I năm học 2021-2022.

Bảng 19: Kết quả khảo sát

Nội dung	Kỳ I năm học 2020-2021	Kỳ I năm học 2021-2022
HP khảo sát (HP)		
-Lý thuyết	202	261
-Thực hành	100	220
-Lâm sàng	33	31
GV khảo sát (Người)		
-Lý thuyết	82	96
-Thực hành	57	98
Xếp loại HP		
-Lý thuyết	27.72% xuất sắc, 71.29% tốt, 0.99% khá	26.82% xuất sắc, 73.18% tốt, 0.00% khá
-Thực hành	47.00% xuất sắc, 52.00% tốt, 1.00% khá	31.36% xuất sắc, 68.64% tốt, 0.00% khá

Nhận xét:

- Số học phần khảo sát tăng 59 HP lý thuyết, 120 HP thực hành so với kỳ I năm học 2020-2021 do một số nguyên nhân:

+ Năm học 2020-2021 do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID 19 nên khối VLVH không học trực tiếp tại trường. Tuy nhiên năm học 2021-2022, tình hình dịch bệnh bớt căng thẳng, khối VLVH đã quay trở lại trường học nên thực hiện được khảo sát bằng hình thức phát phiếu trực tiếp.

+ Từ năm học 2020-2021 ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng phân chia thành hai ngành Vật lí trị liệu, Hoạt động trị liệu (trước đây chỉ Vật lý trị liệu) nên số lượng lớp tăng thêm một lớp.

+ Nhà trường triển khai việc kê khai giờ giảng dạy của giảng viên thông qua phần mềm thanh toán đòi hỏi phải chi tiết, cụ thể từng lớp, từng tổ thực hành giảng viên dạy. Từ đó bắt buộc việc gán tên giảng viên trên phần mềm đào tạo phải chính xác nên việc khảo sát người học đạt hiệu quả hơn.

+ Tiếp tục mở thêm nhiều lớp học cấp tốc cho sinh viên đi chống dịch tại các tỉnh Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh, Bắc Giang nhằm giúp SV hoàn thành chương trình học đúng hạn.

+ Một bộ phận giảng viên đã hoàn thành xong chương trình đào tạo thạc sĩ và hiện quay trở lại giảng dạy nên số lượng GV giảng dạy tăng.

4.4 Biện pháp cải tiến chất lượng

Theo kết quả báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến của sinh viên chính quy và VLVH về hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ I năm học 2021-2022, Hiệu trưởng yêu cầu:

- Phòng Khảo thí và BĐCLGD là đầu mối kết hợp với Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Công tác quản lý sinh viên, Phòng Công nghệ thông tin, các Khoa/Bộ môn tiếp tục phối hợp chặt chẽ để tuyên truyền ý nghĩa của đợt khảo sát, đôn đốc sinh viên tham gia phản hồi đánh giá giảng viên trong các học kỳ tiếp theo.

- Phòng KT&BĐCLGD phối hợp phòng CNTT làm việc với bên phần mềm khảo sát người học Unirate nhằm khắc phục những vấn đề tồn tại đã nêu để triển khai hoạt động khảo sát kỳ II năm học 2021-2022 đạt hiệu quả cao.

- Khoa/Bộ môn căn cứ kết quả khảo sát, tổ chức họp rút kinh nghiệm xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng đào tạo cho học kỳ II năm học 2021-2022 và những năm học tiếp theo.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

Đinh Thị Diệu Hằng

***Nơi nhận*:**
- Hội đồng Trường ;
- Ban Giám hiệu ;
- Các đơn vị;
- Lưu VT, KT&BĐCLGD.